

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/Nº: 0124/2025/SP



- Tên hàng hóa: N46.PLUS Cà Mau
Product name: N46.PLUS CA MAU
- Khối lượng: 358.90 tấn
Quantity: 358.90 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - Urê bao N46. Plus xanh dương ANRD - 40kg : 344.80 tấn
 - Urê bao N46. Plus xanh dương ANRD - 50Kg : 14.10 tấn*NSX: 15/02/2025; HSD: 24 tháng kể từ NSX*
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 19/02/2025 15:47:38
Time of inspection: 19/02/2025 15:47:38
- Giám định viên: Bùi Hồng Yên, Trần Bửu Lộc
Inspector: Bùi Hồng Yên, Trần Bửu Lộc
- Nội dung giám định: Theo TCCS 05:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 05:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 8557:2010	%	46.0	46.22	
2	Biuret - AOAC	AOAC 976.01	%	0.99	0.9	
3	Độ ẩm	TCVN 2620:2014	%	1.0	0.39	
4	N-(n-butyl) thiophosphoric triamide (NBPT)	Ref BS EN 15688:2008	mg/L	230	386.25	
5	Dicyandiamide (DCD)	Ref BS EN 15360:2007	mg/L	950	1311.02	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 05:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 05:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 20/02/2025 08:17:33

Tổ chức xác thực: PVCFC CA